

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Số: 381/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày 10 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
(nguồn vốn ngân sách địa phương) của tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn ngân sách địa phương);

Căn cứ Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (nguồn vốn ngân sách địa phương);

Căn cứ Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (nguồn vốn ngân sách địa phương);

Căn cứ Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 07 tháng 07 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (nguồn vốn ngân sách địa phương);

Căn cứ Nghị quyết số 277/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 (nguồn vốn ngân sách địa phương);

Căn cứ Nghị quyết số 314/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 (nguồn vốn ngân sách địa phương);

Căn cứ Thông báo kết luận số 208/TB-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đối với nội dung Tờ trình số 1196/TTr-UBND ngày 20/5/2024 của UBND tỉnh về phương án sử dụng nguồn kinh phí tăng thu ngân

sách tỉnh năm 2023 và nguồn kinh phí tiết kiệm trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh năm 2023;

Xét Tờ trình số 1451/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn vốn ngân sách địa phương) của tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 480/BC-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai, như sau:

Nội dung điều chỉnh

Điều chỉnh điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh “Về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025”; điều chỉnh điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh “Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021- 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương”; điều chỉnh khoản 2, khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh “Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương”; điều chỉnh khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Nghị quyết số 277/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Nghị quyết số 314/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh “Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 (nguồn vốn ngân sách địa phương)”.

Nguồn vốn điều chỉnh

1. Điều chỉnh vốn trong cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư

1.1 Điều chỉnh giảm vốn 10 dự án với số vốn 458.567 triệu đồng

(1) Dự án: Các dự án Bảo vệ và phát triển rừng: Giảm 12.900 triệu đồng (giảm từ 33.000 triệu đồng còn 20.100 triệu đồng).

(2) Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai, vay vốn ADB: Giảm 89.064 triệu đồng (giảm từ 115.064 triệu đồng còn 26.000 triệu đồng).

(3) Vốn đối ứng Dự án Thoát nước và xử lý nước thải (giai đoạn 1) thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai: Giảm 83.223 triệu đồng (giảm từ 116.762 triệu đồng còn 33.539 triệu đồng).

(4) Dự án Hạ tầng du lịch tỉnh Gia Lai: Giảm 13.240 triệu đồng.

(5) Dự án Cải tạo nút giao thông Phù Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai: Giảm 77.000 triệu đồng.

(6) Dự án Đường Lý Thường Kiệt (đoạn đường Lê Duẩn - đường Dương Minh Châu), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai: Giảm 46.600 triệu đồng (giảm từ 48.000 triệu đồng còn 1.400 triệu đồng).

(7) Dự án Đường nội thị thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai: Giảm 29.060 triệu đồng (giảm từ 30.000 triệu đồng còn 940 triệu đồng).

(8) Dự án Đường nội thị huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai: Giảm 29.180 triệu đồng (giảm từ 30.000 triệu đồng còn 820 triệu đồng).

(9) Dự án Xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới xây dựng Chính quyền số: Giảm 73.744 triệu đồng (giảm từ 74.346 triệu đồng còn 602,401 triệu đồng).

(10) Dự án Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia thuộc địa bàn tỉnh Gia Lai: Giảm 4.556 triệu đồng (giảm từ 63.500 triệu đồng còn 58.944 triệu đồng).

1.2 Điều chỉnh tăng vốn cho 06 dự án, vốn đối ứng chương trình mục tiêu quốc gia với số vốn 458.567 triệu đồng

(1) Dự án Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025: 7.727 triệu đồng.

(2) Dự án Phòng trưng bày Không gian văn hoá cồng chiêng Tây Nguyên tại Bảo tàng tỉnh: Tăng 3.200 triệu đồng (tăng từ 3.500 triệu đồng thành 6.700 triệu đồng).

(3) Dự án Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia: Tăng 374.896 triệu đồng (tăng từ 150.709 triệu đồng thành 525.605 triệu đồng).

(4) Dự án Đường nối từ đường Lý Thường Kiệt đến đường vành đai phía Bắc, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai: Tăng 9.044 triệu đồng.

(5) Dự án Đường giao thông huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai: Tăng 26.300 triệu đồng (tăng từ 10.000 triệu đồng thành 36.300 triệu đồng).

(6) Dự án Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Vạn Kiếp - Ngã tư Biển Hồ), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai: Tăng 31.000 triệu đồng (tăng từ 20.000 triệu đồng thành 51.000 triệu đồng).

(7) Dự án Đường giao thông kết nối thị trấn Chư Ty đến xã Ia Đơk, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai: Tăng 6.400 triệu đồng (tăng từ 18.000 triệu đồng thành 24.400 triệu đồng).

2. Nguồn tiền sử dụng đất

2.1. Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư

a. Điều chỉnh tăng: Dự án Đường hành lang kinh tế phía Đông (đường tránh Quốc lộ 19), tỉnh Gia Lai: Tăng 125.000 triệu đồng (tăng từ 300.000 triệu đồng thành 425.000 triệu đồng).

b. Điều chỉnh giảm vốn dự phòng tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư 05 dự án, vốn đối ứng chương trình mục tiêu quốc gia, vốn chuẩn bị đầu tư do hụt thu năm 2024 và các dự án hụt thu năm 2019 - 2020 với số vốn 697.372 triệu đồng (do hụt thu tiền sử dụng đất).

(1) Vốn dự phòng 10%: Giảm 125.000 triệu đồng.

(2) Dự án Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025: Giảm 30.496 triệu đồng (giảm từ 35.943 triệu đồng còn 5.447 triệu đồng).

(3) Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm 393.604 triệu đồng.

(4) Đường giao thông huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai: Giảm 35.000 triệu đồng (giảm từ 80.000 triệu đồng còn 45.000 triệu đồng).

(5) Đường nối từ đường Lý Thường Kiệt đến đường vành đai phía Bắc, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai: Giảm 9.044 triệu đồng (giảm từ 30.000 triệu đồng còn 20.956 triệu đồng).

(6) Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Vạn Kiếp - Ngã tư Biển Hồ), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai: Giảm 41.522 triệu đồng (giảm từ 104.000 triệu đồng còn 62.478 triệu đồng).

(7) Đường giao thông kết nối thị trấn Chư Ty đến xã Ia Dok, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai: Giảm 6.400 triệu đồng (giảm từ 41.000 triệu đồng còn 34.600 triệu đồng).

(8) Vốn chuẩn bị đầu tư: Giảm 12.180 triệu đồng.

(9) Các dự án hực thu năm 2019 - 2020: Giảm 44.126,408 triệu đồng (giảm 153.137,933 triệu đồng còn 109.011,525 triệu đồng).

2.2. Tiền sử dụng đất huyện, thị xã, thành phố: Tăng từ 2.591.814 triệu đồng thành 3.361.637 triệu đồng (tăng 769.823 triệu đồng).

3. Vốn xố số kiến thiết

a. Điều chỉnh giảm: Dự án Xây dựng Bệnh viện 331: Giảm 74.508 triệu đồng (giảm từ 100.000 triệu đồng còn 25.492 triệu đồng).

b. Điều chỉnh tăng: Dự án Khu xạ trị và trang thiết bị - Bệnh viện đa khoa tỉnh: Tăng 74.508 triệu đồng (tăng từ 73.292 triệu đồng thành 147.800 triệu đồng).

4. Bổ sung vốn từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023 là 76.296 triệu đồng cho các Chương trình, dự án

(1) Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia: 18.708 triệu đồng.

(2) Xử lý hực thu vốn chuẩn bị đầu tư năm 2023: 13.710 triệu đồng.

(3) Xử lý các dự án hực thu năm 2019 - 2020: 43.878 triệu đồng.

5. Bổ sung vốn từ nguồn kinh phí tiết kiệm trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2023 thuộc ngân sách tỉnh cho 01 dự án, chi cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và bố trí kinh phí xử lý hực thu năm 2019, năm 2020 với số vốn: 31.487,408 triệu đồng, gồm:

(1) Dự án Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025: tăng 21.239 triệu đồng.

(2) Bố trí kinh phí xử lý hực thu năm 2019, năm 2020 đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới: 248,408 triệu đồng.

(3) Chi cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: 10.000 triệu đồng.

(Kèm theo các Biểu, Phụ lục)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

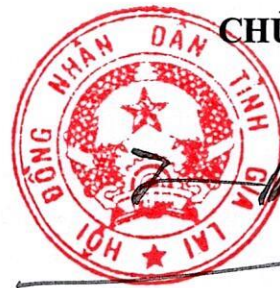
1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan có chức năng giám sát thường xuyên giám sát việc tổ chức, triển khai, thực hiện nghị quyết báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XII, Kỳ họp thứ Mười chín thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *W*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT, VP.



CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên





BIÊN BẢN CHÍNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số 381/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Biên 1

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư vốn NSDP GD 2021-2025		Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
				Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó NSDP				Tổng số	Trong đó NSDP	
A	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư						1.529.443	818.738	458.567	458.567	-	818.738	818.738	
1	Điều chỉnh giảm vốn						1.311.617	600.912	458.567		-	142.345	142.345	
1.2	Các hoạt động kinh tế						1.311.617	600.912	458.567		-	142.345	142.345	
1.2.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi						975.531	264.826	185.187		-	79.639	79.639	
1	Các dự án Bảo vệ và phát triển rừng	Tỉnh Gia Lai	2021-2024	496/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	424.000	33.000	160.000	33.000	12.900			20.100	20.100	Dự án điều chỉnh kế hoạch trung hạn NSDP 2021 - 2025 bằng số vốn đã bố trí theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Dự án "Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai", vay vốn ADB		2022-2026	652/QĐ-UBND ngày 09/6/2023; 1127/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	440.036	115.064	344.634	115.064	89.064			26.000	26.000	Điều chỉnh giảm vốn do chưa ký hiệp định dự kiến năm 2025 vốn đối ứng là 26 tỷ đồng để thực hiện công tác khảo sát thiết kế bước 2 và đền bù... điều chỉnh giảm vốn để tăng vốn đối ứng cho Chương trình mục tiêu quốc gia
3	Vốn đối ứng Dự án Thoát nước và xử lý nước thải (giai đoạn 1) thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	2023-2026	2401/QĐ-UBND ngày 8/9/2022	1.093.469	360.270	470.897	116.762	83.223			33.539	33.539	Hiện nay dự án chưa ký hiệp định, giảm vốn để bố trí vốn cho đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia, số kinh phí còn lại để thực hiện công tác khảo sát thiết kế bước 2 và đền bù...
1.2.2	Giao thông						198.240	198.240	195.080		-	3.160	3.160	
1	Hạ tầng du lịch tỉnh Gia Lai	Pleiku, An Khê	2018-2022	930/QĐ-UBND ngày 24/9/2019	106.933	50.240	13.240	13.240	13.240			-	-	
2	Cải tạo nút giao thông Phú Đồng thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	2022-2024	194/QĐ-UBND ngày 14/4/2022	120.000	120.000	77.000	77.000	77.000			-	-	Dự án chưa chọn được phương án kiến trúc nên chưa triển khai được các bước tiếp theo. Dự án phải điều chỉnh kéo dài thời gian bố trí vốn
3	Đường Lý Thường Kiệt (đoạn đường Lê Duẩn - đường Dương Minh Châu), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai		2024-2026	396/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 2339/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	190.000	190.000	48.000	48.000	46.600			1.400	1.400	
4	Đường nội thị thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai		2024-2026	349/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 3098/QĐ-UBND ngày 24/8/2021	120.000	120.000	30.000	30.000	29.060			940	940	Điều chỉnh giảm vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn tăng vốn cho Chương trình mục tiêu quốc gia

[Handwritten signature]



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư vốn NSDP GD 2021-2025		Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021- 2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó NSDP	Tổng số			Trong đó NSDP		
5	Đường nội thị huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai		2024- 2026	351/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 135/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	120.000	120.000		30.000	30.000	29.180		820	820	Điều chỉnh giảm vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn tăng vốn cho Chương trình mục tiêu quốc gia
I.2.3	Công nghệ thông tin				210.000	210.000		137.846	137.846	78.300	-	59.546	59.546	
1	Xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới xây dựng Chính quyền số	Tỉnh Gia Lai	2021- 2024	304/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 498/QĐ- UBND ngày 29/5/2021	140.000	140.000		74.346	74.346	73.744		602,401	602,401	Chưa đầu tư xin dừng dự án theo hình thức đầu tư để chuyển sang hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin
2	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia thuộc địa bàn tỉnh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	2022- 2024	1081/QĐ-UBND ngày 05/12/2021	70.000	70.000		63.500	63.500	4.556		58.944	58.944	Dự án hoàn thành còn dư vốn
II	Điều chỉnh tăng													
II.1	Quốc phòng													
1	Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Chư Prông, Đức Cờ, Ia Grai	2022- 2025	413/QĐ-QK ngày 21/3/2022	51.650	51.650		15.617	15.617		7.727	23.344	23.344	
II.2	Văn hóa													
1	Phòng trưng bày Không gian văn hoá công cộng Tây Nguyên tại Bảo tàng tỉnh	Thành phố Pleiku	2025	410/NQ-HĐND ngày 17/6/2021				3.500	3.500	-	3.200	6.700	6.700	
II.3	Các hoạt động kinh tế													
II.3.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản							198.709	198.709	-	447.640	646.349	646.349	
1	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia							150.709	150.709	-	374.896	525.605	525.605	
II.3.2	Giao thông							150.709	150.709		374.896	525.605	525.605	
1	Đường giao thông huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Huyện Chư Păh	2021- 2024	489/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	90.000	90.000		48.000	48.000	-	72.744	120.744	120.744	Điều chỉnh thanh toán vốn dự án hoàn thành
2	Đường nối từ đường Lý Thường Kiệt đến đường vành đai phía Bắc, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	Thị xã An Khê	2021- 2024	491/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; 622/QĐ-UBND ngày 17/11/2022; 1021/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	30.000	30.000					9.044	9.044	9.044	Điều chỉnh thanh toán vốn dự án hoàn thành
3	Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Vạn Kiếp - Ngã tư Biển Hồ), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Thành phố Pleiku	2021- 2024	486/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; 1062/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	124.000	124.000		20.000	20.000		31.000	51.000	51.000	Điều chỉnh thanh toán vốn dự án hoàn thành

78

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư vốn NSDP GB 2021-2025		Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó NSDP			Tổng số	Trong đó NSDP	
4	Đường giao thông kết nối thị trấn Chư Ty đến xã Ia Đok, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Huyện Đức Cơ	2021-2024	470/QĐ-UBND ngày 28/5/2021; 588/QĐ-UBND ngày 05/11/2022; 1041/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	59.000	59.000	18.000	18.000		6.400	24.400	24.400	Điều chỉnh thành toàn vốn dự án hoàn thành
B	Tiền sử dụng đất						3.608,150	3.608,150	831,864	954,640	3.680,600	3.680,600	
B.1	Tiền sử dụng đất tình dầu tư						1.016,336	1.016,336	697,372	125,000	318,964	318,964	
I	Điều chỉnh tăng vốn						300,000	300,000	-	125,000	425,000	425,000	
I	Đường hành lang kinh tế phía Đông (đường tránh Quốc lộ 19), tỉnh Gia Lai	Pleiku, Đak Đoa, Chư Păh	2022-2025	347/NQ-HĐND ngày 06/5/2024; 1143/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	1.200.000	425.000	300.000	300.000		125.000	425.000	425.000	Bổ sung vốn theo Nghị quyết số 347/NQ-HĐND ngày 06/5/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường hành lang kinh tế phía Đông (đường tránh Quốc lộ 19), tỉnh Gia Lai.
II	Điều chỉnh giảm vốn						1.016,336	1.016,336	697,372	-	318,964	318,964	
II.1	Vốn dự phòng						166,471	166,471	125,000		41,471	41,471	Giảm vốn dự phòng để bổ sung vốn theo Nghị quyết số 347/NQ-HĐND ngày 06/5/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường hành lang kinh tế phía Đông (đường tránh Quốc lộ 19), tỉnh Gia Lai.
II.2	Quốc phòng						35,943	35,943	30,496	-	5,447	5,447	
I	Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới dài trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Chư Pông, Đức Cơ, Ia Grai	2022-2025	413/QĐ-QK ngày 21/3/2022	51.650	51.650	35.943	35.943	30.496		5.447	5.447	Giảm vốn do hút thu tiền sử dụng đất và bổ sung lại từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và nguồn tăng thu ngân sách tỉnh, nguồn kinh phí tiết kiệm chi trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2023 thuộc ngân sách tỉnh
II.3	Hoạt động kinh tế						648,604	648,604	485,570	-	163,034	163,034	
II.3.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản						393,604	393,604	393,604	-	-	-	
I	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia						393,604	393,604	393,604		-	-	Giảm vốn do hút thu tiền sử dụng đất và bổ sung lại từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023
II.3.2	Giao thông						255,000	255,000	91,966	-	163,034	163,034	
I	Đường giao thông huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Huyện Chư Păh	2021-2024	489/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	90.000	90.000	80.000	80.000	35.000		45.000	45.000	
2	Đường nối từ đường Lý Thường Kiệt đến đường vành đai phía Bắc, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	Thị xã An Khê	2021-2024	491/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; 622/QĐ-UBND ngày 17/11/2022; 1021/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	30.000	30.000	30.000	30.000	9.044		20.956	20.956	

24

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư vốn NSDP GD 2021-2025		Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó NSDP			Tổng số	Trong đó NSDP	
3	Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Yan Kiếp - Ngã tư Biên Hòa), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Thành phố Pleiku	2021-2024	486/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; 1062/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	124.000	124.000	104.000	104.000	41.522		62.478	62.478	
4	Đường giao thông kết nối thị trấn ChưTý đến xã Ia Dak, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Huyện Đức Cơ	2021-2024	470/QĐ-UBND ngày 28/5/2021; 588/QĐ-UBND ngày 05/11/2022; 1041/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	59.000	59.000	41.000	41.000	6.400		34.600	34.600	
III	Xử lý hạt thu vốn chuẩn bị đầu tư năm 2023 và các dự án năm 2019 - 2020						165.317.933	165.317.933	56.306		109.011.525	109.011.525	
I	Vốn chuẩn bị đầu tư						12.180	12.180	12.180		-		Kèm theo Phụ lục 2.
2	Các dự án hạt thu năm 2019 - 2020						153.137.933	153.137.933	44.126,408		109.011.525	109.011.525	Kèm theo Phụ lục 3
B.2	Điều chỉnh tiền sử dụng đất huyện, thị xã, thành phố						2.591.814	2.591.814	134,492	829,640	3.361,637	3.361,637	Kèm theo Phụ lục 4
C	Xổ số kiến thiết						173.292	173.292	74.508	74.508	173.292	173.292	
I	Điều chỉnh giảm						100.000	100.000	74.508	-	25.492	25.492	
I.1	Y tế, dân số và gia đình						100.000	100.000	74.508	-	25.492	25.492	
I	Xây dựng Bệnh viện 331		2024-2026	417/NO-HĐND ngày 17/6/2022	300.000	300.000	100.000	100.000	74.508		25.492	25.492	Điều chỉnh đồng thời với điều chỉnh chủ trương đầu tư
II	Điều chỉnh tăng						73.292	73.292	-	74.508	147.800	147.800	
II.1	Y tế, dân số và gia đình						73.292	73.292	-	74.508	147.800	147.800	
I	Khu xa trị và trang thiết bị - Bệnh viện đa khoa tỉnh	Thành phố Pleiku	2023-2024	447/QĐ-UBND ngày 11/4/2023	147.800	147.800	73.292	73.292		74.508	147.800	147.800	Điều chỉnh đồng thời với điều chỉnh chủ trương đầu tư
D	Bổ sung nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023									76.296	76.296	76.296	
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản									18.708	18.708	18.708	
I	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia									18.708	18.708	18.708	Tăng từ nguồn tăng thu NS tính năm 2023 để trả nợ vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024. (Kèm theo Phụ lục 1)
II	Xử lý hạt thu vốn chuẩn bị đầu tư năm 2023 và các dự án năm 2019 - 2020									57.588	57.588	57.588	
I	Vốn chuẩn bị đầu tư									13.710	13.710	13.710	Kèm theo Phụ lục 2
2	Các dự án hạt thu năm 2019 - 2020									43.878	43.878	43.878	Kèm theo Phụ lục 3

28



Phụ lục 1

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGUỒN VỐN TIỀN SỬ
DUNG ĐẤT NĂM 2023 HỤT THU, GIẢM VỐN NĂM 2023 VÀ BỐ TRÍ NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 381/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐTV: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Giảm kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Bổ sung vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023	Ghi chú
	TỔNG SỐ	18.708	18.708	18.708	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	18.708	18.708	18.708	
1	Huyện Ia Grai	415	415	415	
2	Huyện Phú Thiện	1.274	1.274	1.274	
3	Huyện Kbang	1.590	1.590	1.590	
4	Huyện Ia Pa	1.431	1.431	1.431	
5	Huyện Kông Chro	522	522	522	
6	Huyện Krông Pa	915	915	915	
7	Huyện Chư Prông	3.523	3.523	3.523	
8	Huyện Chư Păh	1.114	1.114	1.114	
9	Huyện Chư Sê	1.054	1.054	1.054	
10	Huyện Chư Puh	1.010	1.010	1.010	
11	Huyện Đak Đoa	1.470	1.470	1.470	
12	Huyện Đức Cơ	1.187	1.187	1.187	
13	Huyện Đak Pơ	1.031	1.031	1.031	
14	Huyện Mang Yang	1.718	1.718	1.718	
15	Thành phố Pleiku	20	20	20	
16	Thị xã An Khê	-	-	-	
17	Thị xã Ayun Pa	434	434	434	

28





**BỔ TRÍ VỐN TĂNG THU NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2023 ĐỂ XỬ LÝ HỤT THU VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ
NGUỒN TIỀN SỬ DỰNG ĐẤT NĂM 2023 HỤT THU, BỔ TRÍ NĂM 2024**
(Kèm theo Nghị quyết số 381/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh			Giảm vốn kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tiền sử dụng đất tính đầu tư	Bổ sung vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				
					Tổng số	Trong đó: NSDP			
	Tiền sử dụng đất				1.244.000	1.236.000	12.180	12.180	
1	Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Chư Prông, Đức Cơ, Ia Grai	2022-2025	10180/QĐ-BCH ngày 15/12/2021	51.650	51.650			
2	Xây dựng Bệnh viện 331	Pleiku	2024-2026	326/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	300.000	300.000	1.840	1.840	
3	Cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Các huyện, thị xã, thành phố	2023-2024	197/QĐ-SKHDT ngày 27/9/2021	53.000	45.000	120	120	
4	Đường nội thị thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Ia Grai	2023-2025	835/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	40.000	40.000	570	570	
5	Đường Lê Thánh Tôn (đoạn từ Trường Chính trị đến Trường Lâm nghiệp), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	2024-2026	2340/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	160.000	160.000	1.140	1.140	
6	Đường nội thị thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Kông Chro	2024-2026	37/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	90.000	90.000	940	940	

Handwritten signature

STT	Nguồn vốn	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh			Giảm vốn kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Bổ sung vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
					Tổng số	Trong đó: NSDP			
7	Đường giao thông huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	Krông Pa	2024-2026	287/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	80.000	80.000	530	530	
8	Đường giao thông huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Chư Prông	2024-2026	1426/QĐ-UBND ngày 04/8/2021	75.000	75.000	800	800	
9	Đường giao thông huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Đak Đoa	2024-2026	1466/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	70.000	70.000	510	510	
10	Đường giao thông huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Phú Thiện	2024-2026	240/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	70.000	70.000	1.580	1.580	
11	Đường liên xã huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai	Đak Pơ	2024-2026	1318/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	70.000	70.000	1.710	1.710	
12	Đường nội thị huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Mang Yang	2024-2026	1099/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	66.000	66.000	580	580	
13	Đường nội thị huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Ia Pa	2024-2026	212/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	60.000	60.000	570	570	
14	Nâng cấp, mở rộng Đường Tăng Bạt Hổ, thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Đức Cơ	2025-2026	1183/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	35.000	35.000	360	360	✓

STT	Nguồn vốn	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh			Giảm vốn kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Bổ sung vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				
					Tổng số	Trong đó: NSDP			
15	Đường giao thông quy hoạch Tây sông Ba, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai	Kbang	2025-2026	244/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	35.000	35.000	390	390	
16	Đường nội thị huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	Chư Pưh	2025-2026	56/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	20.000	20.000	230	230	
17	Trung tâm Hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh Gia Lai	Pleiku	2024-2025	324/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	20.000	20.000	310	310	7K

Handwritten signature/initials

STT	Nguồn vốn	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tiến sử dụng đất đai đầu tư	Giảm vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tiến sử dụng đất đai đầu tư	Số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tiến sử dụng đất đai đầu tư còn lại sau điều chỉnh	Bổ sung vốn			Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: NSDP				Tổng số	Nguồn kinh phí tiết kiệm trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2023 thuộc ngân sách tỉnh	Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023	
3	Đường vào ba buôn xã Chư Drăng, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	2019-2020	383/QĐ-UBND ngày 28/6/2019; 1009/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	39.100	39.100	4.687,5600	4.687,560	-	4.687,560		4.687,560	
4	Đầu tư trang thiết bị cho bệnh viện tuyến tỉnh	2018-2020	988/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 934/QĐ-UBND ngày 19/10/2017	150.000	122.608	1.474,3802	1.474,380	0,000	1.474,380		1.474,380	
5	Trường phổ thông Dân tộc nội trú huyện Đức Cơ (nay là trường THCS Dân tộc nội trú huyện Đức Cơ), thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ	2018-2020	308/QĐ-UBND ngày 21/4/2017	30.000	30.000	4.303,6700	4.303,670	-	4.303,670		4.303,670	
6	Nâng cấp Trường phổ thông Dân tộc nội trú huyện Kông Chro	2018-2020	1085/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	16.000	16.000	2.812,3313	2.812,331	-	2.812,331		2.812,331	
7	Trường THCS Phú Túc, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa	2019-2020	128/QĐ-SKHDT ngày 30/10/2018	14.990	14.990	3.000,0000	3.000,000	-	3.000,000		3.000,000	

Handwritten signature

Quyết định đầu tư dự án													
STT	Nguồn vốn	Thời gian KC-HT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tiến sử dụng đất tỉnh đầu tư	Giảm vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tiến sử dụng đất tỉnh đầu tư	Số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tiến sử dụng đất tỉnh đầu tư còn lại sau điều chỉnh	Bổ sung vốn			Ghi chú	
				Tổng số	Trong đó: NSDP				Tổng số	Trong đó			
										Nguyên kinh phí tiết kiệm trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2023 thuộc ngân sách tỉnh	Nguyên tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023		
8	Trường THPT Pleime, xã Ia Ga, huyện Chư Prông	2020	161/QĐ-UBND ngày 07/3/2017, 131/QĐ-SKHDT ngày 08/10/2019	6.000	6.000	2.584,6460	2.584,646	-	2.584,646	2.584,646			
9	Trường THCS Phan Bội Châu, xã Ular, huyện Krông Pa	2019-2020	232/QĐ-UBND ngày 05/4/2016, 564/QĐ-UBND ngày 28/9/2018	3.000	3.000	1.500,0000	1.500,000	-	1.500,000	1.500,000			
10	Trường THCS Nguyễn Du, xã Cư An, huyện Đak Pơ	2020	190/QĐ-UBND ngày 10/3/2017, 74/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.000	6.000	400,0000	400,000	-	400,000	400,000			
11	Trường THCS Phan Bội Châu, xã Phú An, huyện Đak Pơ	2020	187/QĐ-UBND ngày 10/3/2017, 73/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	3.000	3.000	350,0000	350,000	-	350,000	350,000			
12	Trường THCS Quang Trung, xã Ayun Hạ, huyện Phú Thiện	2020	261/QĐ-UBND ngày 14/4/2016, 2234/QĐ-UBND ngày 24/12/2018	3.000	3.000	937,4000	937,400	-	937,400	937,400			
13	Trường THCS Kpa Klomg xã Hà Bàu, huyện Đak Đoa	2020	500/QĐ-UBND ngày 23/8/2019, 154/QĐ-SKHDT ngày 24/10/2019	12.000	12.000	4.300,0000	4.300,000	-	4.300,000	4.300,000			
14	Trường THCS Kông Bơ La, xã Kông Bơ La, huyện Khang	2020	145/QĐ-UBND ngày 03/3/2017, 462/QĐ-UBND ngày 20/11/2018	5.000	5.000	1.700,0000	1.700,000	-	1.700,000	1.700,000			

TK



**BỔ SUNG VỐN ĐỂ THU HỒI TẠM ỨNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019**

(Kèm theo Nghị quyết số 381/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Phụ lục 3.1

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư hoàn trả tạm ứng kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019	Giảm vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư hoàn trả tạm ứng kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019 còn lại sau điều chỉnh	Bổ sung vốn			Ghi chú
					Tổng số	Nguồn kinh phí tiết kiệm trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2023 thuộc ngân sách tỉnh	Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023	
(1)	(2)	(3)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Tổng số	96.449,750	15.841,129	80.608,621	15.841,129	248,408	15.592,721	
1	Thị xã Ayunpa	6.429,000	1.287,764	5.141,236	1.287,764	248,408	1.039,356	
2	Huyện Chư Păh	3.214,000	519,597	2.694,403	519,597		519,597	
3	Huyện Phú Thiện	6.429,000	1.039,356	5.389,644	1.039,356		1.039,356	
4	Huyện Ia Pa	6.429,000	1.039,356	5.389,644	1.039,356		1.039,356	
5	Huyện Đak Pơ	9.643,000	1.558,953	8.084,047	1.558,953		1.558,953	
6	Huyện Mang Yang	3.214,000	519,597	2.694,403	519,597		519,597	
7	Huyện Đak Đoa	6.429,000	1.039,356	5.389,644	1.039,356		1.039,356	
8	Huyện Đrư Cơ	3.214,000	519,597	2.694,403	519,597		519,597	
9	Huyện Kông Chro	3.214,000	519,597	2.694,403	519,597		519,597	
10	Huyện Chư Pưh	6.429,000	1.039,356	5.389,644	1.039,356		1.039,356	
11	Huyện Chư Sê	3.214,000	519,597	2.694,403	519,597		519,597	
12	Huyện Ia Grai	3.214,000	519,597	2.694,403	519,597		519,597	
13	Huyện Chư Prông	3.214,000	519,597	2.694,403	519,597		519,597	
14	Huyện Kbang	32.163,750	5.199,809	26.963,941	5.199,809		5.199,809	

24





KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TỪ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 381/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Phụ lục 4

DVT: Triệu đồng

Giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh												
SST	Đơn vị	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo QĐ 460/QĐ-UBND ngày 15/7/2022	Tổng cộng	Chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các chi phí khác	Tiền sử dụng đất sau khi trừ chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư	Chi đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Trích nộp quỹ phát triển đất của tỉnh (1)	Tiền sử dụng đất còn lại cho đầu tư	Tăng	Giảm	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ	2.591.814	4.371.248	877.749	3.491.889	119.016	105.707	3.361.637	829.640	134.492	3.361.637	
1	Pleiku	1.723.769	2.636.999	590.060	2.046.939	37.426	72.115	2.009.513	213.629	97.660	2.009.513	
2	Đak Đoa	178.705	89.545	5.920	82.015	741		81.045			81.045	
3	Đức Cơ	78.370	230.133	15.000	215.133	16.673	3.743	196.617	118.247		196.617	
4	An Khê	77.011	295.549	35.977	259.572	3.691	10.396	249.176	172.165		249.176	
5	Thị xã Ayun Pa	20.980	58.767	-	58.767	1.164	-	57.604	36.624		57.604	
6	Chư Sê	107.025	143.201	37.108	106.093	2.727	-	106.093		932	106.093	
7	Chư Păh	50.430	163.670	51.618	112.052	7.910		104.142	90.470		104.142	
8	la Grai	159.139	196.470	63.496	132.974	7.360	2.375	123.239		35.900	123.239	
9	Mang Yang	15.415	103.403	6.812	96.592	10.199		86.393	70.978		86.393	
10	Chư Prông	45.773	109.314	26.182	83.132	10.686		40.889	149		40.889	
11	Chư Pưh	40.740	62.814	11.918	50.897	2.123	5.885	39.922			39.922	
12	Kbang	19.770	46.723	2.365	44.357	4.436		27.861	24.082	-	27.861	
13	Kông Chro	1.999	36.490	3.667	32.823	4.962	-	41.720	14.741		41.720	
14	Đak Pơ	26.800	47.875	6.155	41.720	661	43	22.439	16.517		22.439	
15	la Pa	5.922	22.943	-	22.943	462	8.031	45.571	19.915		45.571	
16	Kông Pa	25.656	67.573	13.971	53.602	4.919	3.119	46.281			46.281	
17	Phù Thiện	14.310	59.777	7.500	52.277	2.877						

Ghi chú: (1) Dự kiến năm 2025 không trích nộp quỹ phát triển đất và để lại cho đầu tư

(Handwritten signature)

